

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/DS-ST

Ngày: 05-5-2022

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Chí

2. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hoa, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2021/TLST-DS, ngày 13 tháng 5 năm 2021 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1990, cư trú tại: Thôn 8, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Bị đơn: Anh Tạ Văn T, sinh năm 1983, cư trú tại: ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày: Ngày 26/10/2020 anh Tạ Văn T vay của chị số tiền 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng). Khi vay có làm giấy vay tiền, lãi là 2.000.000 đồng/tháng. Mỗi tháng anh T sẽ trả cho chị 3.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi, trả vào ngày 17 hàng tháng. Thời gian trả hết nợ gốc là ngày 30/02/2021. Anh T trả cho chị được 03 tháng với số tiền là 15.000.000 đồng, gồm 9.000.000 đồng tiền gốc và 6.000.000 đồng tiền lãi. Nhưng anh T khai rằng đã trả được 04 tháng với số tiền 20.000.000 đồng, gồm 12.000.000 đồng tiền gốc và 8.000.000 đồng tiền lãi. Tuy lời trình bày của anh T không đúng về số tiền đã trả nhưng chị cũng đồng ý anh T đã trả cho chị tổng cộng 20.000.000 đồng gồm gốc lãi theo như anh T trình bày. Đồng thời, mặc dù giữa chị với anh T thỏa thuận tiền

lãi hàng tháng 2.000.000 đồng nhưng mức lãi đó cao hơn quy định và để đơn giản nên chỉ đồng ý lấy số tiền anh T đã trả là 20.000.000 đồng trừ vào tiền gốc, cụ thể: 110.000.000 đồng – 20.000.000 đồng = 90.000.000 đồng. Như vậy, anh T còn nợ chị 90.000.000 đồng tiền gốc nên chị yêu cầu anh T trả cho chị. Về lãi, chị chỉ yêu cầu anh T trả lãi từ ngày 26/3/2021 là ngày chị nộp đơn khởi kiện đến ngày Tòa án xét xử với mức lãi suất 1,6%/tháng của số tiền gốc 90.000.000 đồng. Còn trong giai đoạn thi hành án, anh T phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Tại biên bản lấy lời khai, anh Tạ Văn T trình bày: Ngày 26/10/2020 anh vay của chị Phạm Thị H số tiền 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng) để làm ăn. Khi vay có làm giấy vay tiền, lãi là 2.000.000 đồng/tháng, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi, trả vào ngày 17 hàng tháng. Thời gian trả hết nợ gốc là ngày 30/02/2021. Anh đã trả cho chị H được 04 tháng bắt đầu từ ngày 17 tháng 11 năm 2020 đến ngày 17/02/2021 với số tiền 20.000.000 đồng, gồm 12.000.000 đồng tiền gốc và 8.000.000 đồng tiền lãi. Đến hạn trả tiền ngày 30/02/2021 nhưng anh không có tiền trả cho chị H. Từ tháng 3 năm 2021 anh không trả tiền gốc và lãi cho chị H. Nay anh đồng ý trả tiền gốc còn nợ cho chị H nhưng anh xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng. Anh xin được giảm tiền lãi từ ngày 26/3/2021.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Tạ Văn T trả số tiền gốc còn nợ là 90.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 26/3/2021 đến ngày Tòa án xét xử với mức lãi suất 1,6%/tháng của số tiền gốc 90.000.000 đồng là có cơ sở nên cần được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thẩm quyền của Tòa án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét nguyên đơn chị Phạm Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Tạ Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Ngày 26/10/2020 bị đơn anh Tạ Văn T vay của nguyên đơn chị Phạm Thị H số tiền là 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng). Hai bên thỏa thuận trả lãi 2.000.000 đồng/tháng, mỗi tháng trả 5.000.000 đồng trong đó 3.000.000

đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi. Mục đích vay: để làm ăn. Thời hạn vay: ngày 30/02/2021 sẽ trả hết nợ gốc. Như vậy, hợp đồng vay tài sản giữa chị H với anh T là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi. Chị H và anh T thống nhất là anh T đã trả cho chị H được 04 tháng với số tiền 20.000.000 đồng, gồm 12.000.000 đồng tiền gốc và 8.000.000 đồng tiền lãi. Mặc dù, khi vay hai bên có thỏa thuận trả lãi 2.000.000 đồng/tháng và thực hiện thỏa thuận anh H trả cho chị T 8.000.000 đồng tiền lãi. Nhưng nay chị H đồng ý lấy số tiền anh T đã trả là 20.000.000 đồng trong đó có 8.000.000 đồng tiền lãi trừ vào tiền nợ gốc, cụ thể: 110.000.000 đồng – 20.000.000 đồng = 90.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của chị H, phù hợp với quy định của pháp luật và có lợi cho anh T. Do đó, sau khi trừ số tiền đã trả thì anh T còn nợ chị H số tiền gốc là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng). Nay đã hết thời hạn vay, nên anh T phải có trách nhiệm trả số tiền gốc còn nợ cho chị H.

[3.2] Về lãi: Khi vay tiền, chị H và anh T thỏa thuận mỗi tháng trả 2.000.000 đồng tiền lãi. Đối với số tiền lãi trong hạn mà anh T đã trả, chị H đã trừ vào tiền nợ gốc. Nay chị H chỉ yêu cầu anh T trả lãi từ ngày 26/3/2021 là ngày chị H nộp đơn khởi kiện đến ngày Tòa án xét xử với mức lãi suất 1,6%/tháng của số tiền gốc 90.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Cụ thể, tiền lãi được tính như sau: Từ ngày 26/3/2021 đến ngày 05/5/2022 là 13 tháng 10 ngày x 1,6%/tháng x 90.000.000 đồng = 19.200.000 đồng (Mười chín triệu hai trăm ngàn đồng).

[3.3] Từ những phân tích trên, căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 109.200.000 đồng (Một trăm lẻ chín triệu hai trăm ngàn đồng), trong đó 90.000.000 đồng tiền gốc và 19.200.000 đồng tiền lãi.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên theo quy định pháp luật bị đơn phải chịu 5.460.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 các Điều 35, 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị H đối với bị đơn anh Tạ Văn T. Buộc anh Tạ Văn T trả cho chị Phạm Thị H số tiền còn nợ là 109.200.000 đồng (Một trăm lẻ chín triệu hai trăm ngàn đồng), trong đó 90.000.000 đồng tiền gốc và 19.200.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí: Buộc bị đơn anh Tạ Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.460.000 đồng (Năm triệu bốn trăm sáu mươi ngàn đồng). Hoàn trả cho nguyên đơn chị Phạm Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.900.000 đồng theo Biên lai thu số 0008491 ngày 10/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Võ Thị Minh Hiệp